

BẢN TIN TUẦN

**DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC, PHỤC VỤ
CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP**

Lưu vực sông Lam và vùng phụ cận - Tỉnh Nghệ An

(Tuần từ 12/06/2020 – 18/6/2020)

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

TT	Trạm	Lượng mưa thực đo từ 05/06 đến 10/06/2020 (mm)	Lượng mưa thực đo từ 01/01 đến 10/06/2020 (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích cùng thời đoạn (%)				Lượng mưa dự báo tuần tới (mm)
				TBNN	2015	2018	2019	
1	Vinh	0,0	586,7	+56	+61	+127	+47	2,7
2	Đô Lương	0,0	334,4	-13	-15	+10	+9	2,5
3	Cửa Rào	0,0	274,6	-21	+103	-57	-29	12,6
4	Tây Hiếu	0,0	295,0	-12	+88	-32	+109	3,9
5	Nam Đàn	0,0	378,0	+15	+35	+38	+93	1,7
6	Quỳ Châu	0,2	473,1	+7	+109	-14	+45	26,0
7	Quỳnh Lưu	0,0	349,8	+33	+80	+7	+46	4,2
8	Quỳ Hợp	0,0	354,8	-16	+87	-37	+8	4,5
9	Mường Xén	0,0	255,0	-22	+21	-26	+77	30,5
10	Nghĩa Khánh	0,0	373,0	+15	+50	+38	+74	6,6
Trung Bình		0,0	367,4	+4	+62	+5	+48	9,5

Nhận xét:

- Lượng mưa trong tuần từ 05/06 đến 7h ngày 10/06/2020 phổ biến từ 0-0.2 mm
- Lượng mưa lũy tích 01/01/2020 đến 07h, 10/06/2020 phổ biến từ 255-586.7 mm
- Lượng mưa lũy tích 01/01/2020 đến 07h ngày 10/06/2020:
 - + Tại trạm Vinh cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 56%
 - + Tại trạm Đô Lương thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 13%
 - + Tại trạm Cửa Rào thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 21%



- + Tại trạm Tây Hiếu thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 12%
- + Tại trạm Nam Đàn cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 15%
- + Tại trạm Quỳnh Châu cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 7%
- + Tại trạm Quỳnh Lưu cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 33%
- + Tại trạm Quỳnh Hợp thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 16%
- + Tại trạm Muồng Xén thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 22%
- + Tại trạm Nghĩa Khánh cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 15%

2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi, thủy điện

a) Nguồn nước trừ các hồ chứa thủy lợi

TT	Tên công trình	Thiết kế (triệu m ³)		Hiện tại (%)		So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Dự báo xu thế nguồn nước
		Wtb	Whi	Wtb	Whi	TBNN	2015	2018	2019	
1	Cửa Ông	2,1	2,1	55	55	+2	+9	+7	0	Giảm
2	Khe Gõ	5,4	5,2	42	39	+15	+38	+10	+10	Giảm
3	Lách Bưởi	2,1	2,1	54	53	+19	+44	+10	+10	Giảm
4	Khe Làng	3,1	2,9	48	44	+9	+26	0	+9	Giảm
5	Nghi Công	2,6	2,4	80	78	+29	+18	+50	+37	Tăng
6	Khe Xiêm	3,2	3,1	48	46	+19	+34	+16	+21	Giảm
7	Khe Thị	2,7	2,5	60	58	+15	+45	+3	+16	Giảm
8	Bàu Gia	3,8	3,6	45	42	+3	-7	+3	+7	Giảm
9	Xuân Dương	9,3	9,0	66	65	+13	+17	+17	+13	Giảm
10	Kê Sắt	3,0	2,9	5	0	-32	-44	-33	-33	Tăng
11	Nhà Trò	4,7	4,4	71	68	+6	-	+1	0	Giảm
12	Đồn Húng	4,4	4,0	11	3	-37	-41	-39	-44	Giảm
13	Quản Hải	5,3	4,8	47	41	-2	-8	-8	+1	Giảm
14	Vệ Vòng	18,4	17,2	26	20	-28	-26	-34	-30	Giảm
15	Mả Tổ	6,5	6,1	45	42	+3	-7	+3	+7	Giảm
16	3/2	4,7	4,2	59	54	-8	-41	-11	+4	Giảm
17	Bà Tuyền	5,5	5,1	39	34	-5	-	-13	-15	Giảm
18	Vực Mầu	75,0	63,7	59	52	+8	+14	+15	+7	Tăng
19	Bàu Đá	3,9	3,7	44	41	+7	+7	+6	+8	Giảm
20	Cầu Cau	2,9	2,5	74	69	-13	-14	-13	-8	Tăng
21	Khe Nậy	2,0	1,9	14	11	-14	-3	-17	0	Tăng
22	Cao Cang	1,6	1,6	82	81	+18	+41	+10	+51	Tăng



TT	Tên công trình	Thiết kế (triệu m ³)		Hiện tại (%)		So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Dự báo xu thế nguồn nước
		Wtb	Whi	Wtb	Whi	TBNN	2015	2018	2019	
23	Khe Là	2,5	1,9	87	83	-3	-13	-6	+13	Tăng
24	Khe Đá	16,6	16,6	52	52	+10	+19	-3	+12	Tăng
25	Khe Canh	4,2	4,2	66	66	+18	+44	+9	+16	Giảm
26	Sông Sào	51,4	39,9	87	84	-0	+16	-7	+3	Tăng
27	Khe Thần	4,4	3,1	86	81	+8	-5	+13	+12	Tăng
28	Khe Sân	1,5	1,4	19	16	+4	-	+9	0	Giảm
29	Đình Dù	1,7	1,6	37	32	-13	-3	-21	-29	Giảm
30	Mộ Dạ	2,2	2,1	15	10	-27	-	-	-27	Giảm
31	Yên Trạch	1,1	1,1	21	21	-24	-	-	-24	Giảm
32	Đá Bàn	1,2	1,1	14	9	-33	-	-	-33	Tăng
33	Khe Bung	2,1	2,0	82	81	+10	+22	+8	+3	Tăng
34	Đồi Tương	2,4	2,2	73	71	+2	+14	+4	+3	Tăng
35	Bà Hảo	0,5	0,5	96	96	+38	-	+77	0	Giảm
36	Xuân Nguyên	1,3	1,2	60	58	+0	-3	+7	+2	Tăng
NGHỆ AN		265,1	233,7	59	53	+3	+11	+1	+2	

Nhận xét:

Dung tích trữ hiện tại của các hồ chứa đạt 59% so với dung tích thiết kế, cao hơn 3% so với TBNN, 2% so với năm 2019, 1% so với năm 2018 và 11% so với năm 2015 cùng thời kỳ.

Dự báo xu thế nguồn nước cuối vụ Hè Thu 2020 của các hồ có 14/26 có xu thế tăng, 22/36 có xu thế giảm so với cùng kỳ năm 2019. Dự báo dung tích cuối vụ Hè thu 2020 của các hồ đạt 62% dung tích hữu ích thiết kế.

b) Nguồn nước trữ tại các hồ chứa thủy điện tham gia bổ sung nước cho hạ du

Tên công trình	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)		Dung tích trữ hiện tại so với thiết kế (%)		So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Dự báo xu thế nguồn nước	Lượng nước bổ sung cho hạ du (m ³ /s)
	Wtb	Whi	Wtb	Whi	TBNN	Năm 2015	Năm 2018	Năm 2019		
Bản Vẽ	1834,6	1383	47,6	30,4	+4,9	+17,4	+1,3	+9,0	Giảm	151
T.Bình	1834,6	1383								

Nhận xét:

- Dung tích hồ Bản Vẽ hiện có cao hơn 4,9% so với TBNN, 9% so với năm 2019, 1,3% so với năm 2018, 17,4% so với năm 2015 cùng thời kỳ.



- Theo văn bản số 2572/BTNMT-TNN của Bộ TNMT về việc vận hành hồ chứa từ nay đến hết mùa cạn năm 2020, hồ Bản Vẽ vận hành bảo đảm tổng lưu lượng xả trung bình ngày không nhỏ hơn 110m³/s. Dự báo, lưu lượng đến hồ trung bình từ nay đến hết mùa cạn đạt 26-29m³/s, với lưu lượng xả theo văn bản 2572/BTNMT-TNN thì dự báo dung tích cuối mùa cạn hồ Bản Vẽ đạt 520 triệu m³ (tương đương 28,4% dung tích thiết kế).

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VÀ NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH HẠN HÁN

2.1. Khả năng cấp nước của công trình thủy lợi

Tính từ ngày 12/06/2020 đến hết vụ Hè thu 2020, tổng nhu cầu nước của 36 công trình hồ đập phụ trách trên lưu vực sông Lam và vùng phụ cận là 80,04 triệu m³

Căn cứ theo dung tích hiện tại của các hồ chứa trên lưu vực sông Lam, dự báo mưa trong các tháng tiếp theo và nhu cầu sử dụng nước của từng công trình, kết quả tính toán cho thấy: có 27/36 hồ trên lưu vực sông Lam và vùng phụ cận đáp ứng đủ nhu cầu nước trong vụ Hè thu 2020, 9/36 hồ có khả năng không đáp ứng đủ nước tưới bao gồm Bàu Gia, Kê Sắt, Đồn Húng, Bàu Đá, Khe Nậy, Khe Sân, Mộ Dạ, Yên Trạch, Đá Bàn; các hồ Mả Tô, Khe Sân, Đình Dù có nguy cơ thiếu nước trong vụ Hè thu 2020.

Kết quả tính toán cân bằng nước và dự báo khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ kế hoạch sản xuất vụ Hè thu năm 2020 trên lưu vực Sông Lam và phụ cận được thể hiện dưới bảng sau:

TT	Tên công trình	Wtb hiện tại (triệu m ³)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Hè thu 2020				Ghi chú
				Whi hiện có (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	Whi cuối vụ (%)	
1	Cửa Ông	1,2	82,5	55	100	82,5	44	Đủ nước
2	Khe Gõ	2,3	239	39	100	239,0	24	Đủ nước
3	Lách Bưởi	1,1	179	53	100	179,0	20	Đủ nước
4	Khe Làng	1,5	193,2	44	100	193,2	21	Đủ nước
5	Nghi Công	2,1	48,2	78	100	48,2	100	Đủ nước
6	Khe Xiêm	1,5	186	46	100	186,0	25	Đủ nước
7	Khe Thị	1,6	223	58	100	223,0	22	Đủ nước
8	Bàu Gia	1,7	292,9	42	78	228,5	9	Thiếu nước
9	Xuân Dương	6,2	520,8	65	100	520,8	36	Đủ nước
10	Kê Sắt	0,1	187,1	0	14	26,2	19	Thiếu nước
11	Nhà Trò	3,3	158,02	68	100	158,0	53	Đủ nước
12	Đồn Húng	0,5	200,36	3	36	72,1	18	Thiếu nước
13	Quản Hải	2,5	354,97	41	100	355,0	51	Đủ nước
14	Vệ Vùng	4,7	554	20	100	554,0	26	Đủ nước



TT	Tên công trình	Wtb hiện tại (triệu m ³)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Hè thu 2020				Ghi chú
				Whi hiện có (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	Whi cuối vụ (%)	
15	Mả Tổ	2,9	398,3	42	100	398,3	10	Nguy cơ thiếu
16	3/2	2,7	353,6	54	100	353,6	21	Đủ nước
17	Bà Tuy	2,1	145,5	34	100	145,5	26	Đủ nước
18	Vực Mầu	44,3	1670	52	100	1670,0	83	Đủ nước
19	Bàu Đá	1,7	371,9	41	57	212,0	8	Thiếu nước
20	Cầu Cau	2,1	212,4	69	100	212,4	100	Đủ nước
21	Khe Nậy	0,3	275,6	11	43	118,5	29	Thiếu nước
22	Caogang	1,3	243,2	81	100	243,2	100	Đủ nước
23	Khe Là	2,2	112,8	83	100	112,8	100	Đủ nước
24	Khe Đá	8,7	545,7	52	100	545,7	73	Đủ nước
25	Khe Canh	2,8	248,6	66	100	248,6	85	Đủ nước
26	Sông Sào	44,9	1763	84	100	1763,0	94	Đủ nước
27	Khe Thần	3,8	66,7	81	100	66,7	100	Đủ nước
28	Khe Sân	0,3	58,1	16	76	44,2	17	Nguy cơ thiếu
29	Đình Dù	0,6	91,7	32	100	91,7	15	Nguy cơ thiếu
30	Mộ Dạ	0,3	167,89	10	57	95,7	17	Thiếu nước
31	Yên Trạch	0,2	75,3	21	75	56,5	6	Thiếu nước
32	Đá Bàn	0,2	77,89	9	59	46,0	17	Thiếu nước
33	Khe Bung	1,7	10,25	81	100	10,3	100	Đủ nước
34	Đồi Tương	1,8	20,75	71	100	20,8	98	Đủ nước
35	Bà Hảo	0,5	80	96	100	80,0	49	Đủ nước
36	Xuân Nguyên	0,8	31,2	58	100	31,2	100	Đủ nước
NGHỆ AN		156,4	10439,4	53		9632,0	62	

2.2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

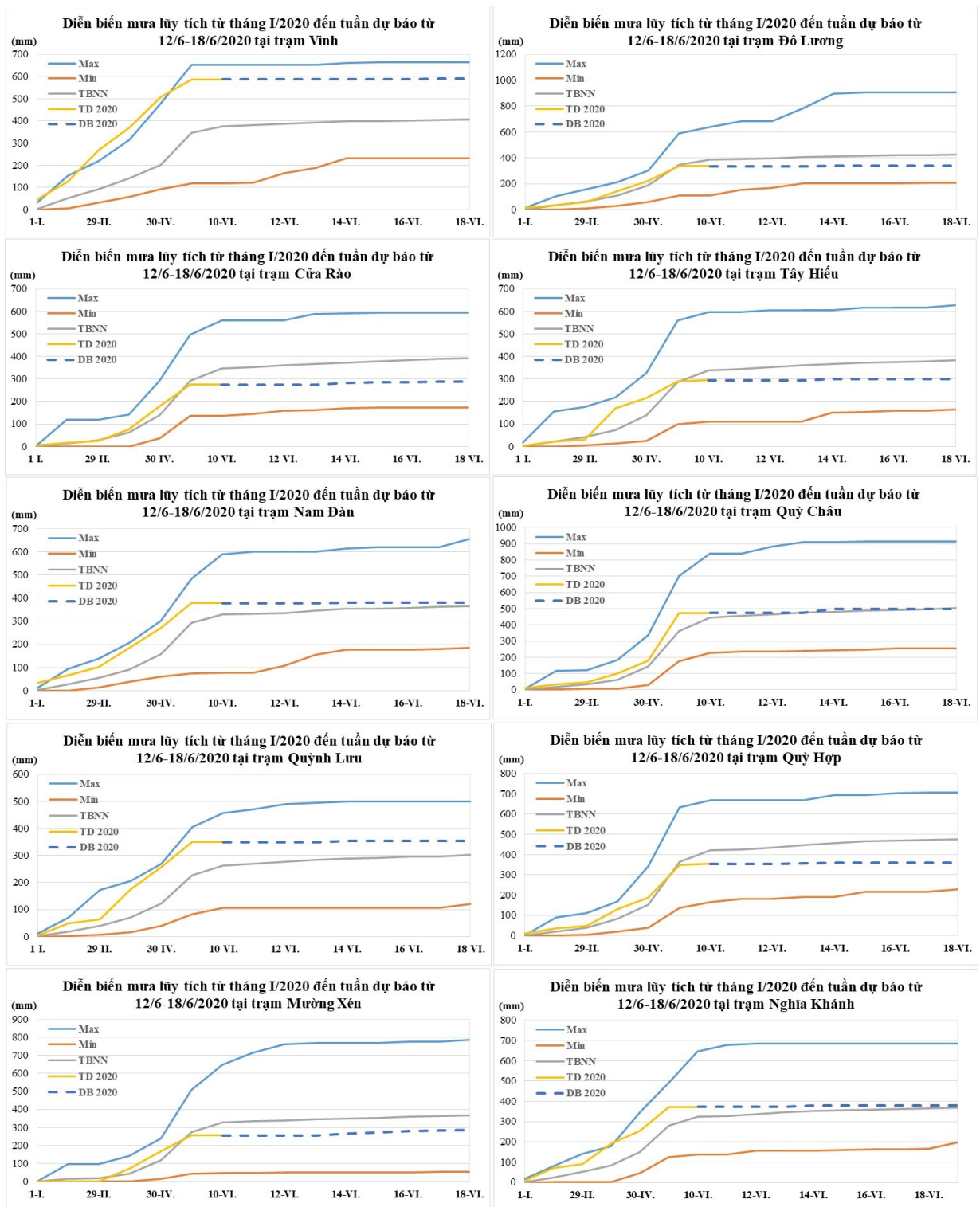
TT	Tên trạm	Vùng	Lượng mưa lũy tích từ 01/01/2020 đến ngày 18/06/2020 (mm)	So sánh lượng mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
				Năm Min	Năm TB	Năm Max	



1	Vinh	Vinh	589,4	+156	+44	-11	Rủi ro hạn thấp
2	Đô Lương	Đô Lương	336,9	+61	-21	-63	Rủi ro hạn
3	Cửa Rào	Cửa Rào	287,5	+66	-27	-51	Rủi ro hạn
4	Tây Hiếu	Tây Hiếu	298,9	+82	-22	-52	Rủi ro hạn
5	Nam Đàn	Nam Đàn	379,7	+105	+4	-42	Rủi ro hạn
6	Quỳ Châu	Quỳ Châu	499,2	+97	-1	-45	Rủi ro hạn
7	Quỳnh Lưu	Quỳnh Lưu	354,0	+195	+17	-29	Rủi ro hạn thấp
8	Quỳ Hợp	Quỳ Hợp	359,3	+57	-24	-49	Rủi ro hạn
9	Mường Xén	Mường Xén	285,9	+418	-22	-64	Rủi ro hạn
10	Nghĩa Khánh	Nghĩa Khánh	379,6	+129	+4	-44	Rủi ro hạn

Nhận xét và khuyến cáo:

- Lượng mưa dự báo từ ngày 12/06 đến 18/06/2020 trong vùng phổ biến từ 2-31 mm.
- Tổng lượng mưa trong vùng từ ngày 01/01 đến nay và dự báo cho thấy :
 - + Tại trạm Vinh cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 44%
 - + Tại trạm Đô Lương thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 21%
 - + Tại trạm Cửa Rào thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 27%
 - + Tại trạm Tây Hiếu thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 22%
 - + Tại trạm Nam Đàn cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 4%
 - + Tại trạm Quỳ Châu thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 1%
 - + Tại trạm Quỳnh Lưu cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 17%
 - + Tại trạm Quỳ Hợp thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 24%
 - + Tại trạm Mường Xén thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 22%
 - + Tại trạm Nghĩa Khánh cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 4%



Hình 1: Dự báo lượng mưa tại một số trạm đại diện lưu vực sông Lam – tỉnh Nghệ An

Ghi chú:

Năm TB: Lượng mưa trung bình nhiều năm

Năm min: Lượng mưa nhỏ nhất nhiều năm

Năm max: Lượng mưa lớn nhất nhiều năm

TD 2019: Lượng mưa thực đo năm 2019-2020

DB 2020: Lượng mưa dự báo năm 2020

2.3. Tổng hợp thông tin hạn hán (nếu có)

TT	Tỉnh	Diện tích gieo trồng toàn tỉnh (ha)				Diện tích chuyển đổi (ha)	Diện tích không canh tác (ha)	Diện tích mất trắng (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
		Tổng cộng	Lúa	Cây hàng năm	Cây lâu năm				Lúc cao nhất	Hiện tại	(tăng/giảm)
1	Nghệ An	119.400	90.000	29.400	-	-	-	-	1.900	-	
	Cộng										

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Hiện nay trên địa bàn tỉnh Nghệ An đã gieo trồng được 60.972ha/119.400ha, đạt tỷ lệ 51% so với kế hoạch, trong đó diện tích lúa hè thu gieo trồng được 51.401ha/90.000ha (đạt 57% so với kế hoạch).

- Từ ngày 3/6 đến ngày 10/6/2020, trên địa bàn tỉnh Nghệ An không có mưa. Do mưa ít, nắng nóng kéo dài, gió tây nam thổi mạnh, nguồn nước các hồ đập đã cạn, nước sông Cẩm đã bị nhiễm mặn vào đến cầu N5 Nghi Thuận nên đã xuất hiện tình trạng hạn hán, thiếu nước tại huyện Nghi Lộc. Diện tích lúa và màu đang bị hạn khoảng 1.900ha tập trung tại các xã: Nghi Lâm, Nghi Văn, Nghi Mỹ, Nghi Công Nam, Nghi Hưng, Nghi Long, Nghi Đồng, Nghi Diên, Nghi Vạn... Tại Nghi Lộc, đã thực hiện biện pháp ngăn sông Cẩm để ngăn mặn, giữ ngọt, cấp nước tưới cho sản xuất vụ Hè thu. Do không có lượng nước bổ sung nên có khoảng 1.500ha lúa không thể sản xuất được tập trung tại các xã: Nghi Thuận, Nghi Long, Nghi Xá, Nghi Phương, Nghi Mỹ, Nghi Trung...

- Ngày 7/6, tại đập Đô Lương xảy ra sự cố sập khoang số 10 và khoang số 11. Đây là sự cố nghiêm trọng, gây nên hiện tượng tụt mực nước đầu kênh dẫn dòng, dẫn đến không đủ lượng nước theo yêu cầu chảy vào kênh chính, nước vào hệ thống Thủy lợi Bắc bị thiếu hụt từ 50 - 70%, gây khô hạn vùng Yên Thành, Quỳnh Lưu và Diễn Châu, với tổng diện tích khoảng 21.000 ha lúa đã gieo cấy bị ảnh hưởng, trong thời điểm nhu cầu sử dụng nước hiện rất cao và tác động đến việc cấp nước sinh hoạt cho khoảng 8.000 hộ dân thuộc 7 xã trên địa bàn huyện Đô Lương. Hiện tại, đến ngày 11/6/2020, sự cố vỡ đập tràn Bara Đô Lương đã được xử lý xong.

- Hiện tại, dung tích trung bình các hồ chứa thủy lợi vừa và lớn trên địa bàn tỉnh Nghệ An đạt 59% dung tích thiết kế. Một số hồ trên địa bàn tỉnh Nghệ An có dung tích trữ thấp gồm Kẻ Sặt 4,7%, Đồn Húng 11,4%, Khe Nậy 13,5%, Đá Bàn 14,2%, Khe Sân 19%, Mộ Dạ 15,4%. Theo kết quả tính toán dự báo nguồn nước cho các hồ chứa trên địa bàn tỉnh Nghệ An, trong vụ Hè Thu 2019 có 27/36 hồ bảo đảm cấp đủ nước cho sản xuất nông nghiệp, 9 hồ có khả năng không đáp ứng đủ nước tưới bao gồm Bàu Gia, Kẻ Sặt, Đồn Húng, Bàu Đá, Khe Nậy, Khe Sân, Mộ Dạ, Yên Trạch, Đá Bàn. Trong đó có hồ Kẻ Sặt, Đồn Húng đang trong giai đoạn nâng cấp sửa chữa nên có khả năng thiếu nước từ giữa tháng 6; hồ Khe Nậy, Mộ Dạ, Đá Bàn có khả năng thiếu nước trong giai đoạn cuối tháng



6, đầu tháng 7; Yên Trạch, Bàu Đá có khả năng thiếu nước trong giai đoạn cuối tháng 7 hồ Bàu Gia, Khe Sân có khả năng thiếu nước trong giai đoạn giữa tháng 8.

Để có thể đáp ứng tốt nguồn nước cho cả vụ Hè Thu năm 2020 và đề phòng những tháng nhiệt độ tăng cao, tổn thất bốc thoát hơi nước lớn, các địa phương và công ty khai thác công trình thủy lợi tỉnh Nghệ An cần chủ động tích nước khi có mưa, thực hiện các biện pháp tưới tiết kiệm nước, tưới luân phiên giữa các vùng trong hệ thống và tưới luân phiên giữa các công trình trong vùng, thực hiện các biện pháp ngăn không để mặn xâm nhập sâu vào nội đồng, kiểm tra chặt chẽ chất lượng nước không để nhiễm mặn xảy ra, đồng thời tiếp tục theo dõi, cập nhật tình hình nguồn nước, khí tượng, thủy văn để có kế hoạch sử dụng nước hợp lý, hiệu quả.

Bản tin tuần tiếp theo sẽ được phát hành vào ngày 18/6/2020.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thủy lợi;
- Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Nghệ An
- Chi cục Thủy lợi tỉnh Nghệ An
- Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bắc Nghệ An
- Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Nam Nghệ An
- Lưu Viện Quy hoạch Thủy lợi;

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI

